



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

**Áp 2, Xã Tiến Thành, TX. Đông Xoài, Bình Phước
ĐT: (0651) 3889 034 - Fax:: (0651) 0889 032**



Biotech Incorporation

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CP
SXKD DƯỢC VÀ TTB Y TẾ VIỆT MỸ
NĂM 2013**

NĂM 2013



MỤC LỤC

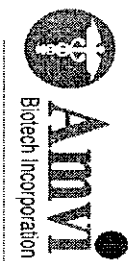
I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
1. Lịch sử hình thành và phát triển.....	3
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý công ty.....	3
3. Quá trình phát triển.....	6
4.. Định hướng phát triển.....	7
II. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
1. Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	8
2. Nhận xét chung.....	9
3. Phương hướng hoạt động năm 2014.....	10
III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	10
1. Báo cáo tình hình tài chính	10
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014.....	12
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12
V. BÀN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN .13	
VI.. HỆ THỐNG KHÁCH HÀNG CỦA CÔNG TY.....	14
VII. TÒ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....	15
1. Tóm tắt lý lịch của cá nhân trong Ban điều hành	15
2. Quyền lợi của Ban Giám đốc.....	22
3.. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động.....	22
4. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	23
VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	23
1. Hội đồng quản trị/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên	23
2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông	23

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CP SXKD DƯỢC VÀ TTB Y TẾ VIỆT MỸ

Năm 2013

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ
- Tên tiếng anh: AMERICAN VIETNAMESE BIOTECH INCORPORATION
- Tên viết tắt: AMVIBIOTECH INC
- Trụ sở chính: Ấp 2, xã Tiến Thành, thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước
- Điện thoại: (84-651) 3889 034
- Fax: (84-651) 3889 032
- Website: www.AMVIBIOTECH.com
- Email: AMVIBIOTECH@hcm.fpt.vn
- Biểu tượng:



I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ được thành lập năm 2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/8/2002. Công ty được thành lập bởi 3 cổ đông sáng lập là Công ty TNHH SX-TM TTB Y tế Mặt Trời (The Sun Co.), Công ty Dược Vật tư Y tế Bình Phước (nay là Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Dopharco) và Công ty Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Sài Gòn (Incommex Saigon) với số vốn điều lệ ban đầu là 15 tỷ đồng.

Năm 2003, Công ty bắt đầu thực hiện xây dựng nhà máy với diện tích 1.500 m² trên khuôn viên gần 2.500 m² tại thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, nhận chuyển giao công nghệ và nhập khẩu máy móc thiết bị, tổ chức tuyển và huấn luyện cán bộ công nhân viên, sản xuất thử, xin đăng ký lưu hành sản phẩm... Đến cuối năm 2004, nhà máy cơ bản được hoàn thành và sẵn sàng đi vào hoạt động.

Tháng 7/2005, nhà máy của Công ty đã được Bộ Y tế thẩm định kỹ thuật và cấp giấy phép đủ điều kiện sản xuất vacxin – sinh phẩm y tế. Tháng 8/2005, Công ty bắt đầu thực hiện sản xuất kinh doanh và đưa sản phẩm ra thị trường. Mặc dù là Công ty mới, sản phẩm chưa được thị trường biết đến, cùng lúc phải cạnh tranh với các mặt hàng ngoại nhập có chất lượng cao như Abbott, Bio Rad (Mỹ) và các mặt hàng giá rẻ được nhập khẩu từ Trung Quốc, tuy nhiên, với sự nỗ lực của toàn thể CBCNV trong nhà máy, cùng sự hỗ trợ trong việc tìm kiếm thị trường của The Sun Co., doanh thu trong năm 2005 – năm đầu tiên chính thức hoạt động kinh doanh của Công ty đã đạt 3,2 tỷ đồng.

Năm 2006, Công ty đã thiết lập được hệ thống phân phối trên cả 3 khu vực Bắc, Trung, Nam thông qua các tổng đại lý của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã kết hợp với các trường đại học, sở y tế các tỉnh như: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Long An, Hậu Giang, Vũng Tàu, Bắc Giang, Tuyên Quang,... tổ chức các buổi hội thảo về đề tài “Sinh phẩm chẩn đoán nhanh” nhằm giới thiệu các sản phẩm của AMVIBIOTECH. Công ty còn kết hợp với các bệnh viện và trung tâm y tế nghiên cứu các đề tài khoa học: “Nghiên cứu về sinh phẩm chẩn đoán HIV”; “Nghiên cứu về sinh phẩm chẩn đoán bệnh lao và chẩn đoán Viêm gan B”. Việc xét nghiệm thực hiện tại các buổi hội thảo, các đề tài nghiên cứu đều cho kết quả chính xác. Doanh thu năm 2006 đạt 4,3 tỷ đồng, tăng 31% so với năm 2005.

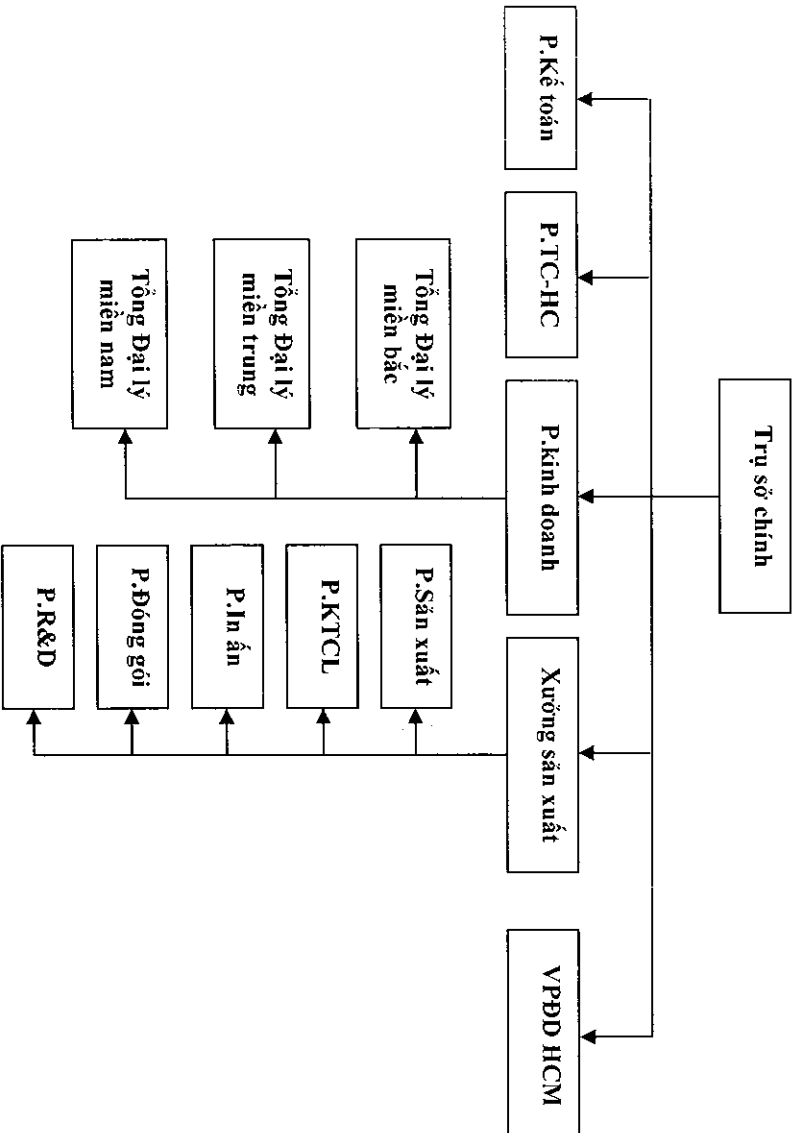
Năm 2007, Công ty duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu ở mức 27% với tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu là 19%.

Tháng 4/2007, Công ty tiến hành phát hành cổ phiếu theo hình thức phát hành riêng lẻ cho Cán bộ công nhân viên của Công ty và Nhà đầu tư chiến lược (là đối tác kinh doanh của Công ty) tăng vốn điều lệ của Công ty lên 21 tỷ đồng.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty

2.1. Cơ cấu tổ chức Công ty

Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty



Trụ sở chính của công ty tọa lạc tại Ấp 2, xã Tiên Thành, thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước. Đây là cơ quan đầu não của Công ty, hướng dẫn sản xuất chính của Công ty hiện đang tiến hành sản xuất tại đây. Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban cụ thể như sau:

Phòng Kế toán

- Xây dựng kế hoạch tài chính ngắn và dài hạn nhằm đảm bảo nguồn vốn phù hợp cho sản xuất kinh doanh và tái đầu tư.
- Hỗ trợ Phòng Kinh doanh trong việc thống kê doanh số và thanh toán.
- Tổng hợp thông tin, phân tích và lập báo cáo kế toán cho Giám đốc tham khảo và ra quyết định hoạt động kinh doanh.

Phòng Tổ chức Hành chính

- Tuyên dụng nhân viên mới, gửi nhân viên đi đào tạo tại các khóa học.
- Quyết định mức lương thưởng, xét duyệt nghỉ phép.
- Tổ chức nhân và soạn thảo công văn, hồ sơ xin phép đăng ký sản phẩm, tổ chức các Hội thảo giới thiệu về sản phẩm.

Phòng Kinh doanh

- Quản lý toàn bộ kênh phân phối và hệ thống các tổng đại lý trên toàn quốc, hỗ trợ các đại lý thực hiện marketing cho sản phẩm và đầu thầu bán sản phẩm vào các cơ sở y tế của Nhà Nước.
- Dự báo nhu cầu sản phẩm, đề xuất chính sách kinh doanh phù hợp với tình hình thị trường.

Xưởng sản xuất

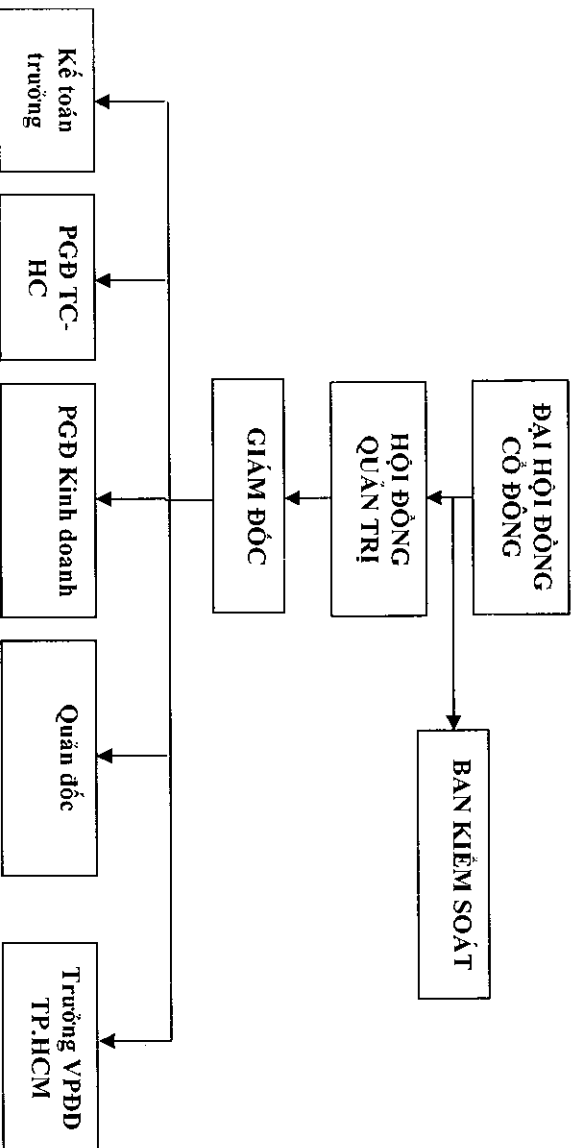
Xưởng sản xuất gồm các phòng sau đây

- Phòng sản xuất: Tực tiếp theo dõi điều hành việc sản xuất của nhà máy.
- Phòng Kiểm tra chất lượng: Triển khai, thực hiện, giám sát hoạt động kiểm tra chất lượng và đảm bảo chất lượng của sản phẩm của Công ty. Thiết lập, thực hiện kế hoạch hiệu chuẩn và bảo quản các thiết bị kiểm tra chất lượng.
- Phòng In ấn: Thiết kế mẫu bao bì, đặt khuôn in và đặt hàng bao bì. Điều hành và tổ chức in ấn bao bì sản phẩm.
- Phòng Đóng gói: Đóng gói sản phẩm vào thùng, vào hộp và bảo quản sản phẩm.
- Phòng R&D: Thực hiện các công tác nghiên cứu và phát triển nhằm khảo sát nhu cầu, đưa ra các sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đẩy mạnh cạnh tranh với các hãng khác.

Các văn phòng đại diện

Nhằm tăng cường sự hiện diện của Công ty rộng khắp cả nước. Công ty đã mở văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh, Sài Gòn, Công ty sẽ mở các văn phòng tại các khu vực khác trên toàn quốc. Các văn phòng đại diện này có trách nhiệm thu nhận các đơn đặt hàng, là địa điểm phân phối sản phẩm của Công ty, hỗ trợ bộ phận kinh doanh trong việc mở rộng các đại lý.

2.2. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 1 lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty gồm ít nhất 05 thành viên và nhiều nhất là 11 người. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển Công ty; xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh; xây dựng cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý Công ty; đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Ban kiểm soát

Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ 3 đến 5 thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Ban kiểm soát là cơ quan có nhiệm vụ giúp Đại hội đồng cổ đông giám sát, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Giám đốc

Giám đốc là người trực tiếp điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty.

Các cán bộ quản lý khác

Với từng nhiệm vụ vai trò của mình, các cán bộ quản lý cấp dưới giúp Giám đốc Công ty theo dõi thực hiện nhiệm vụ của từng phòng ban cụ thể. Các cán bộ quản lý khác cụ thể như sau:

- Kế toán trưởng: Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, Kế toán trưởng là người đứng đầu, là người chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý phòng kế toán. Có trách nhiệm hoàn thiện hệ thống sổ sách chứng từ của Công ty, lập ra và tư vấn chiến lược cho Hội đồng quản trị và Giám đốc về các quyết định tài chính.
- Phó Giám đốc các phòng ban: Gồm Phó Giám đốc tổ chức hành chính, Phó Giám đốc kinh doanh chịu trách nhiệm theo dõi và thực hiện các công việc thuộc chức năng nhiệm vụ của phòng mình.
- Quản đốc: Chịu trách nhiệm theo dõi phân xưởng sản xuất, phân công nhiệm vụ và giải quyết các vấn đề tại phân xưởng. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc các toàn bộ các vấn đề phát sinh tại phân xưởng.

3. Quá trình phát triển

Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 3800237998 (Mã số cũ 44.03.000012) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/08/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16/10/2012, Công ty được kinh doanh các ngành nghề sau:

- ✓ Kinh doanh được phẩm, mua bán trang thiết bị y tế, dụng cụ và hóa chất xét nghiệm y tế;
- ✓ Sản xuất dụng cụ xét nghiệm y tế;
- ✓ Sản xuất, kinh doanh vacxin, sinh phẩm y tế;
- ✓ Đại lý ký gởi hàng hóa;

- ✓ Kinh doanh địa ốc;
- ✓ Đầu tư tài chính;
- ✓ Chuyển giao công nghệ;

Tình hình hoạt động công ty Cổ phần SXKD Dược & TTB Y Tế Việt Mỹ

Trong năm 2013, mặc dù giá cả nguyên vật liệu, lãi suất tiền vay tăng cao, tỷ giá ngoại tệ diễn biến bất thường, nhưng Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty với quyết tâm cao, chủ động phát huy sức mạnh nội lực, bình tĩnh tận dụng thời cơ, linh hoạt tháo gỡ những vướng mắc, từng bước vượt qua khó khăn, phấn đấu giữ vững hoạt động SXKD ổn định, đứng vững trong cơ chế thị trường và từng bước hội nhập – phát triển; duy trì được công ăn việc làm, đảm bảo đời sống cho người lao động, làm đầy đủ nghĩa vụ ngân sách và lợi ích của cổ đông.

4. Định hướng phát triển

• **Định hướng năm 2014**

Duy Trì và Phát Triển hoạt động Sản Xuất Kinh Doanh, Khai thác tối đa công suất cơ sở vật chất hiện có, quay nhanh chu chuyển dòng vốn giảm chi phí tài chính, đảm bảo công ăn việc làm và cải thiện thu nhập tiền lương cho người lao động, giữ vững tư tưởng chính trị nội bộ ổn định

I. Sản Xuất:

- Xây dựng, nâng cấp nhà máy tiêu chuẩn GMP tại 1251, QL 14, TX Đồng Xoài, Bình Phước.
 - Tăng cường sản xuất và xin Đăng ký lưu hành thêm 10 mặt hàng Rapid Tests,
 - Tăng cường sản xuất và xin Đăng ký lưu hành thêm 05 mặt hàng Tests định lượng ELISA
 - Tăng cường sản xuất và xin Đăng ký lưu hành thêm 10 mặt hàng Home Tests
- (Test thử tại nhà)

- Trang bị thêm máy móc thiết bị sản xuất

2. Kinh Doanh:

- Mở rộng hệ thống phân phối toàn quốc.
 - Tăng cường quảng bá thương hiệu sản phẩm.
 - Tổ chức mạng lưới đầu thầu các dự án quốc gia, các bệnh viện, TT y tế.
- Tăng cường công tác chuẩn bị mọi mặt để tập trung lực cho những năm tiếp theo;

Củng cố và phát triển nguồn nhân lực là then chốt, cải tiến chính sách nhân sự về tiền lương, thưởng, phúc lợi, chế độ làm việc...xác hợp từng thời kỳ phát triển Công ty. Tổ chức tuyển dụng nhân sự mới có chất lượng bổ sung đáp ứng nhu cầu vận hành sản xuất đối với Nhà máy Dược. Đẩy mạnh công tác đào tạo và tái đào tạo về kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ công nhân, nâng cao kỹ năng quản trị cho các cấp điều hành quản lý, nâng cao kỹ năng marketing, kỹ thuật công nghệ sản xuất;

Lấy mục tiêu tiết giảm giá thành sản xuất làm thước đo hành động. Ngay từ đầu năm tổ chức sắp xếp hoạt động các đơn vị sản xuất về tổ chức nhân sự, cơ cấu sản phẩm, phân khúc thị trường, khách hàng mục tiêu...

Xem xét các khoản đầu tư cốt lõi nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả cho điều kiện cơ sở vật chất hiện có đáp ứng khẩn cấp nhu cầu kinh doanh;

Giữ vững thị trường, duy trì sự ổn định và tăng trưởng về sản lượng, doanh thu để bù đắp sự gia tăng của chi phí đầu vào do ảnh hưởng của lạm phát, lãi suất tiền vay nhằm đảm bảo lợi nhuận Công ty không bị giảm sút;

Chọn lọc phương án khả thi trình phê duyệt phát hành thêm cổ phần để tăng vốn Điều lệ và tổ chức thực hiện huy động khi được duyệt bổ sung vốn kinh doanh, đảm bảo cơ cấu vốn phù hợp tạo điều kiện để Công ty phát triển bền vững, đối phó có hiệu quả tình hình lạm phát và bất ổn tài chính, tiền tệ trong nước.

II. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Bách Mông Hà	CT HĐQT	1	100%	
2	Bà Hoàng Oanh	TV HĐQT	1	100%	
3	Bà Lê Thị Thu Hà	TV HĐQT	1	100%	
4	Ông Trương Văn Tích	TV HĐQT	1	100%	
5	Ông Nguyễn Quang Trung	TV HĐQT	1	100%	

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban giám đốc: Hai thành viên của Hội đồng quản trị cũng là hai thành viên của Ban giám đốc (Ông Bách Mông Hà –Chủ tịch HĐQT kiêm GD điều hành và Ông Nguyễn Quang Trung thành viên HĐQT kiêm Phó GD kinh doanh) nên việc báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Ban giám đốc được thuận lợi. Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ.

Hoạt động của các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có tiêu ban

Công tác lãnh đạo

Trên cơ sở Nghị quyết được thông qua tại Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2013, HĐQT đã bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh 2013, tổ chức chỉ đạo Ban điều hành Công ty ứng phó với những biến động bất thường tình hình kinh tế trong nước và thế giới ảnh hưởng bởi đại suy thoái kinh tế toàn cầu, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực tới các mặt hoạt động Công ty, kịp thời điều chỉnh thích ứng xu thế mới, duy trì ổn định các mặt hoạt động đưa Công ty vượt qua những khó khăn thách thức... thể hiện qua các mặt cụ thể:

a. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013:

Tổng doanh thu đạt: 7.74 tỷ đồng;

Lợi nhuận sau thuế đạt: 144.716.021 đồng;

Tỷ trọng Lợi nhuận sau thuế/ Tổng doanh thu: 0.2%

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	0102-NQ AMVI-2013	28/02/2013	Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

Công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành

- Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời công tác chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành; các thành viên đã nỗ lực làm việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần vào những kết quả đạt được của Công ty trong năm 2013;
- HDQT trực tiếp bàn bạc, chỉ đạo và góp ý với Ban Tổng giám đốc đề nghị những biện pháp cụ thể để tháo gỡ những khó khăn trong nhiều lĩnh vực hoạt động của Công ty;
- Qua quá trình giám sát, Hội đồng quản trị nhận thấy Ban điều hành triển khai hiệu quả các nghị quyết của Hội đồng quản trị; kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của Hội đồng quản trị.

2. Nhận xét chung

Kết quả đạt được

- Tập thể CB-CNV tư tưởng ổn định, an tâm gắn bó với Công ty, siêng năng tận tụy với công việc;
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành tâm huyết với trọng trách được giao, thể hiện được vai trò trách nhiệm trong lãnh đạo, điều hành;
- Công ty luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ của các cơ quan, ban ngành, các tổ chức tài chính tín dụng, các đối tác kinh doanh...

Tồn tại hạn chế

- Năm 2013 Công ty thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đạt thấp, do thông thường việc lập dự thảo kế hoạch kinh doanh không lường hết những nhân tố ảnh hưởng tác động từ yếu tố khách quan;
- Tình hình nhân lực chưa ngang tầm với yêu cầu phát triển của Công ty, thiếu nhân sự cấp trung, cấp cao,... Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty cần tập trung các giải pháp đồng bộ để xây dựng, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng ngang tầm với sự phát triển toàn diện của Công ty;
- Các dự án đầu tư hoàn thành chậm so với dự kiến kế hoạch làm ảnh hưởng lớn đến kế hoạch doanh thu và lợi nhuận; Nhiều hạn mục đầu tư phát sinh, giá cả và tỷ giá biến động mạnh... làm tăng cao chi phí đầu tư so với dự toán ban đầu, ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Mặc dù định mức chi phí sản xuất được tiết giảm khá tốt trong năm qua, nhưng trong năm 2014 cần quyết liệt thực hiện đồng bộ các giải pháp tối đa chi phí sản xuất để gia tăng khả năng cạnh tranh trong bối cảnh giá cả chi phí đầu vào leo thang từ đầu năm 2014;
- Cơ cấu vốn, quản lý vốn mặc dù có cải thiện hơn năm 2012, nhưng chưa thật sự cân đối phù hợp làm gia tăng áp lực nặng nề lên các mặt hoạt động kinh doanh;

- Tình hình khủng hoảng kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, kinh tế vĩ mô không ổn định, tác động tiêu cực đến các mặt hoạt động của Công ty; Lãi suất vay tín dụng tăng cao, biến động giá cả đầu vào lớn, làm tăng giá thành sản xuất, hạn chế hiệu quả kinh doanh.

3. Phương hướng hoạt động năm 2014

Ngay sau khi có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên vào tháng 3 năm 2014, Hội đồng quản trị cam kết trước Đại hội đồng cổ đông sẽ thực thi quyền hạn và nhiệm vụ của mình theo đúng quy định, Điều lệ Công ty một cách khẩn cần và trung thực, cố gắng hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao để đảm bảo cho sự phát triển của Công ty cũng như đảm bảo quyền lợi của tất cả các cổ đông và nhà đầu tư;

Tăng cường thực hiện Quy chế Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán để hoàn thiện hơn công tác Quản trị Công ty;

Tổ chức tốt các phiên họp thường kỳ ít nhất mỗi quý một lần để bàn bạc, thảo luận, điều chỉnh và thông qua các báo cáo, kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc;

Giám sát chặt chẽ và kịp thời chi đạo kiện quyết chấn chỉnh các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014; đặc biệt trong công tác triển khai các dự án đầu tư vay vốn các tổ chức tín dụng và sử dụng vốn vay.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

a. Giá trị số sách

Giá trị số sách tại thời điểm 31/12/2013 là 992.770 đồng/cổ phần.

**b. Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp
Không có.**

c. Tổng số cổ phiếu theo từng loại

- Cổ phiếu phổ thông: 2.115.750 cổ phần (Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phần

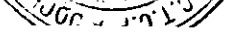
d. Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại

- Trái phiếu có thể chuyển đổi: Không có
- Trái phiếu không thể chuyển đổi: Không có

e. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại

- Cổ phiếu phổ thông: 2.115.750 cổ phần (Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phần

**f. Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ
Không có.**



Báo cáo thường niên – năm 2013
g. Cổ tức lợi nhuận đã chia

CTCP SX KD DƯỢC & TTB Y TẾ VIỆT MỸ

Trong năm 2013 công ty tiến hành nâng cấp nhà máy GMP Tại 1251 QL 14 TX Đồng Xoài, Bình Phước nên công gặp nhiều khó khăn. Cần sự huy động vốn từ các cổ đông.

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013		Năm 2012	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	7.740.903.709	9.583.300.417		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	7.740.903.709	9.583.300.417		
4. Giá vốn hàng bán	11	5.449.016.139	6.969.518.062		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	2.291.887.570	2.613.782.355		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.697.197	45.148.757		
7. Chi phí tài chính	22	322.891.911	909.375.727		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	307.467.642	903.712.250		
8. Chi phí bán hàng	24	219.321.875	453.773.113		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1.633.958.486	1.652.197.579		
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30	122.412.495	(356.415.307)		
11. Thu nhập khác	31	1.347.000.000	178.931.364		
12. Chi phí khác	32	1.324.696.474	352.274.981		
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	22.303.526	(173.343.617)		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	144.716.021	(529.758.924)		
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51				
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	144.716.021	(529.758.924)		
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	68	(250)		

Nguồn: Báo cáo tài chính Kiểm toán hợp nhất 2013

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014

a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Cần cứ kết quả đã đạt được trong những năm vừa qua, với thực lực hiện có của Công ty cùng với việc xem xét đánh giá những yếu tố thuận lợi, khó khăn sắp tới. Công ty xây dựng một số chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2014 như sau:

Trong năm 2013 Công ty đã triển khai tiến hành đầu tư nâng cấp nhà máy sản xuất đạt chuẩn

GMP tại Bình Phước theo dự án (8 tỷ-15 tỷ), tiêu chuẩn GMP tại 1251 QL 14, TX, Đồng Xoài, Bình Phước.

- Sản phẩm tăng khoảng 1,5 lần so với năm trước. Lên kế hoạch đăng ký lưu hành thêm 10 mặt hàng Rapid Tests. Tăng cường sản xuất và xin đăng ký lưu hành thêm 05 mặt hàng Tests định lượng ELISA, 10 mặt hàng Home Tests (Test thử tại nhà)
- Tăng cường Marketing, Mở rộng hệ thống phân phối toàn quốc.
- Tăng cường quảng bá thương hiệu sản phẩm.
- Tăng cường mạng lưới đầu thầu các dự án Quốc tế, dự án quốc gia, các bệnh viện, Trung tâm y tế.

b. Giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014:

- Giám sát và triển khai thực hiện việc quản lý Công ty theo quy định Điều lệ Công ty và các Quy chế quản lý nội bộ đã ban hành;
- Nghiên cứu các biện pháp huy động vốn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn để giảm tỷ trọng nợ phải trả, tránh sự phụ thuộc quá nhiều vào vốn vay cụ thể như phát hành thêm cổ phiếu, chính sách chi trả cổ tức hợp lý vừa đảm bảo lợi ích của cổ đông vừa đảm bảo vốn tích lũy cho Công ty để đầu tư phát triển... nhằm tăng năng lực tài chính cho Công ty;
- Quản lý tài chính minh bạch, công khai; Thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ vay đảm bảo uy tín với các tổ chức tín dụng, các nhà thầu; Quản lý chặt chẽ công nợ; Thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình tài chính của từng dự án để có biện pháp cân đối tài chính thích hợp;

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán được đính kèm báo cáo này.

V. **BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**
KIỂM TOÀN HỢP NHẤT (AASCS)

Kính gửi: - Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc và các cổ đông

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (“công ty”) và công ty con (Công ty TNHH Sinh Học Việt Mỹ) được lập ngày 05 tháng 01 năm 2014 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được trình bày từ trang 04 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ và công ty con (Công ty TNHH Sinh Học Việt Mỹ) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2014

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam
Tổng Giám đốc

(Đã ký)

Kiểm toán viên

(Đã ký)

ĐỖ KHẮC THẠNH

Số giấy CN ĐK HNKT: 0064-2013-142-01

TÀ QUANG TẠO

Số giấy CN ĐK HNKT: 0055-2013-142-01

VI. HỆ THỐNG KHÁCH HÀNG CỦA CÔNG TY

Hệ thống các đại lý của AMVIBIOTECH

STT	Tên tổng đại lý	Địa chỉ
I. Khu vực Miền Nam		
1	Công ty TNHH Thương Mại Dược phẩm Hồng Lan	8B Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Tp.HCM
2	Công ty TNHH Thương Mại Dược phẩm Dương Minh	73/23U Phạm Văn Chiêu, Phường 16, Q. Gò Vấp, TP HCM
II. Khu vực Miền Trung		
1	Công ty TNHH TBVTYT & KHKT Tam Nguyễn	228 Thanh Thủy, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
III. Khu vực Miền Bắc		
1	Công ty CP Thương mại Thiên Vũ	120 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
2	Công Ty TNHH MEDICO Việt Nam	32 Nguyễn Công Trứ, P. Phúc La, Hà Đông, Hà Nội.
3	Đại lý phân phối hàng OEM và các chương trình quốc gia	

Nguồn: AMVIBIOTECH

Với hệ thống các tổng đại lý hiện nay ở cả 3 miền, sản phẩm của Công ty đã được phân phối rộng khắp các tỉnh thành thông qua các đại lý cấp 2, cấp 3 và các nhà thuốc bán lẻ.

Để khuyến khích các tổng đại lý trong việc đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, Công ty có những chính sách chiết khấu giảm giá dựa trên doanh số bán hàng. Ngoài ra trong một số trường hợp cần thiết, các tổng đại lý còn nhận được sự hỗ trợ khác của Công ty trong việc tổ chức hội nghị khách hàng và một số chi phí khác trong việc thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm.

Trong chiến lược phân phối sản phẩm thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm các tổ chức có thị trường lớn làm tổng đại lý cho những sản phẩm mới của Công ty nhằm mở rộng kênh phân phối, mặt khác hạn chế được các xung đột về mặt lợi ích giữa các tổng đại lý.

- **Các trung tâm y tế, bệnh viện**

Xuất phát từ đặc tính của sản phẩm, việc đưa sản phẩm của Công ty vào các trung tâm y tế và bệnh viện rất có ý nghĩa đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt đối với các sản phẩm như Test HIV, Test viêm gan B thì đây là kênh phân phối duy nhất do các sản phẩm này chỉ được phép sử dụng bởi các tổ chức có chuyên môn. Công ty đã khai thác tối đa các mối quan hệ sẵn có và kết hợp những người có quan hệ sâu rộng trong lĩnh vực y tế tham gia làm công tác viên nhằm đưa sản phẩm của Công ty vào thị trường này. Hiện nay, có trên 25 trung tâm y tế và bệnh viện là khách hàng thường xuyên của Công ty như: Sở y tế Tp.HCM, Trung tâm Y tế Dự phòng Tp.HCM, Bệnh viện Nhiễm Đới, Bệnh viện Lao, Bệnh viện Triều An (Tp.HCM) ...

- **Các chương trình quốc gia và các tổ chức phi chính phủ**

Ngoài các kênh phân phối nêu trên, Công ty còn cung cấp sản phẩm trực tiếp cho các chương

trình dự án lớn của quốc gia và các tổ chức thế giới hỗ trợ Việt Nam về y tế như: Dự án phòng chống HIV của quốc gia, và đặc biệt là trong thời gian vừa qua, Công ty đã có những hợp đồng đầu tiên với Tổ chức DKT Quốc tế tại Việt Nam, là một tổ chức phi chính phủ, có hệ thống phân phối sản phẩm trên 10.000 nhà thuốc bán lẻ trên toàn quốc.

VII. TỎ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Tóm tắt lý lịch của cá nhân trong Ban điều hành

1.1. Hội đồng quản trị

1.1.1 Ông Bách Mộng Hà – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Giới tính	Nam	Quốc tịch	Hà Nội
Ngày sinh	11/11/1946	Địa chỉ thường trú	2702N Berkley St, Orange CA, 92865 - USA
Nơi sinh	Hà Nội	Số điện thoại cơ quan	08 629 089 14
Quốc tịch	Mỹ	Trình độ văn hóa	Sau Đại Học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Tiến Sĩ Khoa Học (CSULB USA)

Quá trình công tác

- 1978 – 2000: Khoa học gia, Chuyên viên kỹ thuật cao (MTS) của Hughes Air Craft, hợp đồng làm việc cho bộ quốc phòng Mỹ.
- 2000 – 2002: Công tác tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiết bị Y tế Mặt Trời (The Sun Co.).
- 2002 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc AMVIBIOTECH

Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc AMVIBIOTECH
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Hội đồng thành viên The Sun Co.
Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 04/02/2013	156.960 cổ phiếu
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 04/02/2013	Vợ: Hoàng Oanh: 117.000 cổ phiếu
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thủ lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

1.1.2 Bà Hoàng Oanh – Thành viên HĐQT

Giới tính	Nữ	Quê quán	Quảng Bình
Ngày sinh	21/02/1973	Địa chỉ thường trú	Số 2 Đường 2, P. Phước Bình, Q.9, Tp.HCM.
Nơi sinh	Quảng Ninh	Số điện thoại cơ quan	08 629 089 14
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản lý kinh tế

Quá trình công tác

- Năm 1997 - năm 2000: Quản Lý Doanh Nghiệp Tư Nhân Làng Vần.
- Năm 2000 - nay: Công tác tại Công ty TNHH SXTM Thiết bị Y tế Mặt Trời (The Sun Co), Thành viên HĐQT AMVIBIOTECH.

Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT AMVIBIOTECH.
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu/năm giữ đến thời điểm 04/02/2013	117.000 cổ phiếu
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 04/02/2013	Mẹ: Đoàn Thị Hưng: 3.000 cổ phần Chồng: Hà Mộng Bắc: 156.960 cổ phiếu
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

1.1.3 Bà Lê Thị Thu Hà – Thành viên HĐQT

Giới tính	Nữ	Quê quán	Thanh Hóa
Ngày sinh	1966	Địa chỉ thường trú	449 Võ Văn Tần, P.5 , Q.3 , Tp.HCM
Nơi sinh	Bắc Ninh	Số điện thoại cquan	08 629 089 14
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Kinh doanh

Quá trình công tác

<ul style="list-style-type: none"> Tháng 09/2002 - tháng 03/2007: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị AMVIBIOTECH Tháng 04/2007 - nay: Thành viên HĐQT AMVIBIOTECH, Phòng Kinh doanh. 	Thành viên HĐQT, cố vấn kinh doanh AMVIBIOTECH
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu năm giữ đến thời điểm 04/02/2013	60.000 cổ phiếu
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 30/06/2010	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

1.1.4 Ông Trương Văn Tích – Thành viên HĐQT

Giới tính	Nam	Quê quán	Cái Bè, Tiền Giang
Ngày sinh	01/09/1952	Địa chỉ thường trú	15 Lô C, cư xá Lạc Long Quân, P5, Q11, Tp. HCM
Nơi sinh	Đồng Tháp	Số điện thoại cơ quan	
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Kinh doanh

Quá trình công tác

- Năm 2000 – 2007: Phó Giám đốc công ty TNHH Tài Nguyên
- Năm 2007 – nay: Thành viên Hội Đồng Quản trị AMVIBIOTECH

Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT AMVIBIOTECH
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu năm giữ đến thời điểm 04/02/2013	Không
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm	Không

04/02/2013	
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thủ lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

1.1.5 Ông Nguyễn Quang Trung – Thành viên HĐQT

Giới tính	Nam	Quê quán	Bến Tre
Ngày sinh	26/07/1975	Địa chỉ thường trú	164/3 Trần Quốc Thảo, P7, Q3, TP. HCM
Nơi sinh	Bến Tre	Số điện thoại cơ quan	08 629 089 14
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Quản lý Kinh tế

Quá trình công tác

- 1998 – 2000: Công tác tại Công ty Cổ phần May Việt Tiến
- 2000 – 2004: Công tác tại Công ty TNHH Quốc tế Minh Việt
- 2004 – 2009: Công tác tại Tổ chức DKT Quốc tế Việt Nam
- 2009 – Nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang Thiết bị Y tế Việt Mỹ.

Chức vụ hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 04/02/2013	Không
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm 04/02/2013	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thủ lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

1.2 Ban Giám đốc

1.2.1 Ông Bách Mộng Hà – Giám đốc

Xem mục 1.1.1

1.2.2 Ông Nguyễn Quang Trung – Phó Giám đốc kinh doanh

Xem mục 1.1.5

1.3 Ban Kiểm soát

1.3.1 Bà Hà Thị Thu Trang – Trưởng Ban kiểm soát

Giới tính	Nữ	Quốc quán	Thanh Oai, Hà Tây
Ngày tháng năm sinh	22/10/1982	Địa chỉ thường trú	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Tây
Nơi sinh	Hà Tây	Số điện thoại cơ quan	08 629 089 14
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Kinh Doanh

Quá trình công tác:

- Tháng 11/2004 – Nay: công tác tại phòng Kinh doanh AMVIBIOTECH

Chức vụ hiện nay	Trưởng ban Kiểm Soát AMVIBIOTECH
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 04/02/2013	5.000 cổ phần
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm 04/02/2013	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thủ lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

1.3.2 Bà Đặng Thị Giang – Thành viên BKS

Giới tính	Nữ	Quốc quán	Nghê An
Ngày sinh	24/05/1981	Địa chỉ thường trú	11 – Phố 5 - Ấp 3 – Phú Vinh – Định Quán – Đồng Nai
Nơi sinh	Nghê An	Số điện thoại cơ	08 629 089 14

		quan	
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- Năm 2003 – Nay: Công ty CP SXKD Dược & TTB Y tế Việt Mỹ

Chức vụ hiện nay	Nhân viên
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 04/02/2013	Không
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm 04/02/2013	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thủ lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

1.3.3 Bà Trần Huệ Linh – Thành viên BKS

Giới tính	Nữ	Quê quán	Quảng Đông (Trung Quốc)
Ngày tháng năm sinh	20/04/1958	Địa chỉ thường trú	TK 24A/12 Nguyễn Cảnh Chân, Q1, TP. HCM
Nơi sinh	TP. HCM	Số điện thoại cơ quan	08 629 089 14
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Hoa	Trình độ chuyên môn	Thông dịch viên

Quá trình công tác:

- Năm 2002 – Năm 2005: Quản lý – Nhà máy Cao Minh – TP. HCM
- Năm 2006 – Năm 2007: Giáo viên trường Nhật Tân – TP. HCM
- Năm 2008 – Nay: Thông dịch viên Công ty CP SXKD Dược & TTB Y tế Việt Mỹ

Chức vụ hiện nay	Thông dịch viên
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm	Không

30/06/2010	
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm 30/06/2010	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thủ lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

1.4 Kế toán trưởng: Ông Nguyễn Văn Vinh

Giới tính	Nam	Quốc quán	Phù Mỹ, Bình Định
Ngày sinh	08/05/1962	Địa chỉ thường trú	20 Đường 11, KP 2, Trường Thọ, Thủ Đức, TP. HCM
Nơi sinh	Nam Định	Số điện thoại cơ quan	08 629 089 14
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- 1991 – 1999: Kế toán công ty xây dựng số 5
- 1999 - 2007: Kế toán công ty CP dầu khí và xây dựng số 9.
- 2007 – 2011: KTT công ty TNHH Trường Thịnh Phú
- 2011 – nay: KTT công ty AMVI BIOTECH, Inc

Chức vụ hiện nay	Kế toán trưởng AMVIBIOTECH
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 04/02/2013	Không
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm 04/02/2013	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thủ lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

2. Quyền lợi của Ban Giám đốc

Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc được chi trả dựa trên Quy chế trả lương và các khoản chi khác của Công ty Cổ phần SXKD Dược & TTB Y Tế Việt Mỹ

3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

a. Số lượng cán bộ, nhân viên

Hiện tại, số lượng cán bộ, nhân viên của Công ty Cổ phần SXKD Dược & TTB Y Tế Việt Mỹ là 49 người, trong đó có 35 nữ với kết cấu lao động như sau:

- Trình độ trên đại học: 2 người.
- Trình độ đại học: 7 người
- Trung cấp và cao đẳng: 9 người.
- Lao động phổ thông: 19 người.

b. Chính sách với người lao động

Chế độ làm việc:

Công ty thực hiện chế độ làm việc 8 giờ/ ngày và 44 giờ/ tuần.

Chính sách lương:

Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến việc cải thiện đời sống của CB-CNV. Mức lương bình quân của CB-CNV Năm 2012 là 3.200.000đồng/người/tháng. Năm 2013 lương bình quân từ 4.500.000đồng/người/tháng.

Thời gian làm việc của nhân viên tại Công ty là 5,5 ngày/tuần. Lương của nhân viên văn phòng được tính theo thời gian làm việc và lương của nhân viên sản xuất được tính theo năng suất lao động.

Chính sách khen thưởng:

Chính sách thưởng Công ty đang thực hiện bao gồm thưởng định kỳ hàng năm và thưởng đột xuất: Việc xét và thưởng định kỳ của Công ty được thực hiện vào cuối năm, tháng lương thứ 13, mức thưởng của CBCNV cao hay thấp phụ thuộc vào hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và việc hoàn thành tốt công việc trong năm của cá nhân đó.

Việc thưởng đột xuất và biểu dương trước tập thể được Công ty thực hiện một cách kịp thời đối với các cá nhân có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động để động viên và khuyến khích đối với người lao động có thành tích.

Chính sách trợ cấp:

Tất cả nhân viên của Công ty được đóng bảo hiểm đầy đủ theo quy định, bao gồm: như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động rất được Công ty quan tâm. Ngoài ra, tại nhà máy của Công ty ở Bình Phước còn có nhà tập thể cho nhân viên gồm có 8 phòng sử dụng để bố trí chỗ ở công nhân viên có nhà ở xa. Hàng năm, Công ty đều tổ chức tham quan, họp mặt, nghỉ mát cho vào các dịp lễ nhằm động viên, nâng cao tinh thần đoàn kết của đội ngũ CBCNV trong Công ty.

Môi trường làm việc tại nhà máy là không khói bụi, không tiếng ồn thoáng mát, và nhân viên được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ: khẩu trang, găng tay, áo blouse trắng ...

Chính sách đào tạo:

Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động ở AMVI còn được doanh nghiệp hỗ trợ đào tạo, cử đi học để nâng cao nghiệp vụ như trung cấp được, xét nghiệm máu, kế toán và những khóa học do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) tài trợ. Tùy theo nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, những nhân viên được cử đi học có thể được hưởng nguyên lương và được hỗ trợ tiền học phí trong thời gian học tập.

Kế hoạch nhân sự cho dự án mới:

Công ty đang có kế hoạch tuyển nhiều cán bộ và nhân viên chuyên ngành sinh hóa cho dự án nhà máy mới nâng cấp đạt chuẩn GMP tại 1251 QL 14 TX Đồng Xoài, Bình Phước.

4. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.

Trong năm 2013, không có thay đổi gì lớn trong thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng :

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên

Danh sách Thành viên HĐQT:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
2.	Bà Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT
3.	Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT
4.	Ông Trương Văn Tích	Thành viên HĐQT
5.	Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên HĐQT

Danh sách Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Bà Hà Thị Thu Trang	Trưởng BKS
2.	Bà Đặng Thị Giang	Thành viên BKS
3.	Bà Trần Huệ Linh	Thành viên BKS

2. Các dữ liệu thông kê về cổ đông

Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Số lượng
Cổ đông tổ chức	527.380	5.273.800.000	24,9	4
Cổ đông trong nước	376.380	3.763.800.000	17,8	2
Cổ đông nước ngoài	151.000	1.510.000.000	7,1	2
Cổ đông cá nhân	1.588.370	15.883.700.000	75,1	441
Cổ đông trong nước	1.483.630	14.836.300.000	70,2	425
Cổ đông nước ngoài	104.740	1.047.400.000	4,9	16
Tổng cộng	2.115.750	21.157.500.000	100%	445

Nguồn: AMVIBIOTECH

2.2. Cổ đông góp vốn sáng lập:

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 3800237998 (Mã số cũ 44.03.000012) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/08/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05/07/2011, danh sách cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

Danh sách cổ đông sáng lập

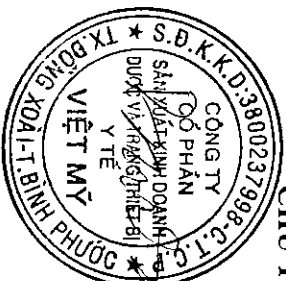
STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiết bị Y tế Mặt Trời (The Sun Co., Ltd)	449 Võ Văn Tần, P.5, Q.3, Tp.HCM	226.380	2.263.800.000	10,7
2	Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sài Gòn (Incomex Saigon)	Số 27 Cao Thắng, P.2, Q.3, Tp.HCM	150.000	1.500.000.000	10
3	Bà Hoàng Anh	Số 2 Tổ 1, Đường Số 2, Phường Phước Bình, Quận 9, Tp.HCM	117.000	1.170.000.000	5,53
4	Ông Nguyễn Tiến Hưng	39, Đường 2, CX Bình Thới, P.8, Q.11, Tp. HCM	92.500	925.000.000	4,37
5	Bà Lê Thị Thu Hà	Số 222 C, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội	48.000	480.000.000	2,27
Tổng cộng			633.880	6.338.800.000	33,24

Nguồn: AMVIBIOTECH

IX. PHỤ LỤC:

Phụ lục : Báo cáo tài chính Kiểm toán hợp nhất năm 2013

CÔNG TY CP SXKD DƯỢC & TTB Y TẾ VIỆT MỸ
CHỦ TỊCH HĐQT



Handwritten signature

Bach Hong Kha, PhD

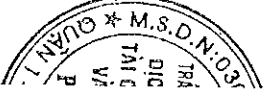
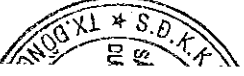


CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ

Báo cáo Tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

đã được Kiểm toán



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03 - 03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 29

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 ngày 26 tháng 8 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 16 tháng 10 năm 2012, Công ty có vốn điều lệ là 21.157.500.000 đồng (Hai mươi một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại ấp 2, xã Tiến Thành, thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước.

Công ty có một công ty con: Địa chỉ

Công ty TNHH Sinh học Việt Mỹ Lô I-3b-2, đường N6, Khu công nghệ cao, Quận 9, TP. HCM

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 144.716.021 VND (Lỗ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 529.758.924 VND).

Lỗ lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 là 1.715.757.343 VND (Lỗ lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là 1.860.473.364 VND).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Bách Mông Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên
Ông Trương Văn Tích	Thành viên
Bà Hoàng Oanh	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng bao gồm:

Ông Bách Mông Hà	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.





Số: 18 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2013 Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ ("Công ty") và công ty con (Công ty TNHH Sinh học Việt Mỹ) được lập ngày 05 tháng 01 năm 2014 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được trình bày từ trang 04 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục nghiêm cẩn thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ và công ty con (Công ty TNHH Sinh học Việt Mỹ) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2014

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

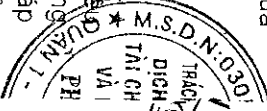
KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN PHÍA NAM
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
PHẦN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Kiểm toán viên

TÀ QUANG TẠO

Số Giấy CN ĐK HNKT: 0064-2013-142-01

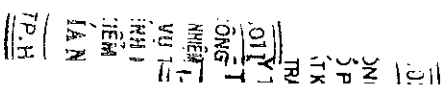
Số Giấy CN ĐK HNKT: 0055-2013-142-01



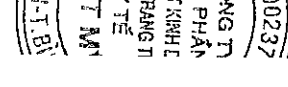
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Đơn vị tính: VND	
		Thuyết minh	
		31/12/2013	01/01/2013
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	9.455.003.249	6.507.419.017
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	2.181.523.772	1.784.426.962
111	1. Tiền	2.181.523.772	1.784.426.962
112	2. Các khoản tương đương tiền		
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
121	1. Đầu tư ngắn hạn		
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	4.982.321.443	1.408.344.076
131	1. Phải thu khách hàng	3.068.323.064	1.209.473.633
132	2. Trả trước cho người bán	1.913.232.730	98.330.000
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		
135	5. Các khoản phải thu khác		
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	04 765.649	100.540.443
140	IV. Hàng tồn kho	1.999.663.847	2.758.273.074
141	1. Hàng tồn kho	1.999.663.847	2.758.273.074
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		00237
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	06 291.494.187	556.374.905
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	67.337.685	299.344.060
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	177.693.595	81.183.970
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	46.462.907	175.846.875
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	17.588.083.001	17.485.851.127
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ		
218	4. Phải thu dài hạn khác		
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		



 TP.H



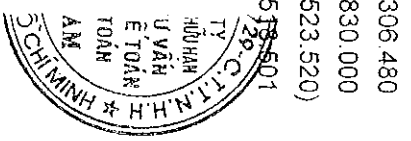
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
 VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

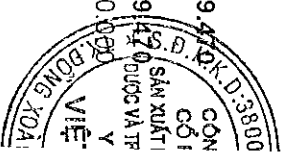
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	
		31/12/2013	01/01/2013
220	II. Tài sản cố định	16.831.298.998	16.249.118.468
221	1. Tài sản cố định hữu hình	2.798.948.052	1.296.225.276
222	- Nguyên giá	6.052.066.506	4.078.423.396
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(3.253.118.454)	(2.782.198.120)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		
225	- Nguyên giá		2.014.068.211
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.609.442.583)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8.892.914.988	9.348.306.480
228	- Nguyên giá	13.530.830.000	13.530.830.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(4.637.915.012)	(4.182.523.520)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.139.435.958	3.590.518.501
240	III. Bất động sản đầu tư		
241	- Nguyên giá		
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
251	1. Đầu tư vào công ty con		
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
258	3. Đầu tư dài hạn khác		
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		
260	V. Lợi thế thương mại		
270	VI. Tài sản dài hạn khác	756.784.003	1.236.752.659
271	1. Chi phí trả trước dài hạn	31.446.003	43.072.059
272	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		
278	3. Tài sản dài hạn khác	725.338.000	1.193.660.600
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	27.043.086.250	23.993.270.144



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	NGUỒN VỐN	Đơn vị tính: VND	
		Thuyết minh	
300	A. NỢ PHẢI TRẢ	31/12/2013	01/01/2013
310	I. Nợ ngắn hạn	6.038.550.759	3.133.450.674
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	4.525.416.539	2.056.017.826
312	2. Phải trả người bán	500.000.000	1.500.000.000
313	3. Người mua trả tiền trước	117.026.800	230.231.950
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.218.935	64.866.608
315	5. Phải trả người lao động	42.128.441	157.753.751
316	6. Chi phí phải trả	96.792.363	44.742.776
317	7. Phải trả nội bộ	15	17.172.741
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	41.250.000
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.761.250.000	
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
330	II. Nợ dài hạn	1.513.134.220	1.077.432.848
331	1. Phải trả dài hạn người bán		
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		
333	3. Phải trả dài hạn khác		
334	4. Vay và nợ dài hạn	17	1.513.134.220
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	21.004.535.491	20.859.819.473
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	20.859.819.473
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	21.004.535.491	20.859.819.473
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	21.157.500.000	21.157.500.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	1.562.792.834	1.562.792.834
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(1.715.757.343)	(1.860.473.364)
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
432	1. Nguồn kinh phí		
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
500	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		
510	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	<u>27.043.086.250</u>	<u>23.993.270.144</u>



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
----------	-------------	------------	------------

1. Tài sản thuê ngoài
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược
4. Nợ khó đòi đã xử lý
5. Ngoại tệ các loại
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án

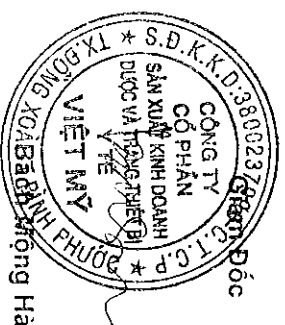
Người lập biểu

Đặng Thị Giang

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Vinh

Bình Phước, ngày 05 tháng 01 năm 2014



TP.H

33799g
GTY
HÂN
INH ĐOAN
ANG THIET
TẾ
VIỆT MỸ
-T.BÌNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh		
		Năm 2013	Năm 2012	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	7.740.903.709	9.583.300.417
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	7.740.903.709	9.583.300.417
11	4. Giá vốn hàng bán	23	5.449.016.139	6.969.518.062
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.291.887.570	2.613.782.355
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	6.697.197	45.148.757
22	7. Chi phí tài chính	25	322.891.911	909.375.727
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		307.467.642	903.712.258
24	8. Chi phí bán hàng		219.321.875	453.773.115
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.633.958.486	1.652.197.679
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		122.412.495	(356.415.324)
31	11. Thu nhập khác		1.347.000.000	178.931.446
32	12. Chi phí khác		1.324.696.474	352.276.699
40	13. Lợi nhuận khác		22.303.526	(173.343.617)
45	14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		144.716.021	(529.758.524)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành			
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26		
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		144.716.021	(529.758.524)
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ		144.716.021	(529.758.524)
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	27	68	(250)

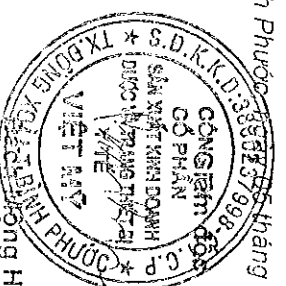
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Phước, ngày 01 năm 2014

Dặng Thị Giang

Nguyễn Văn Vinh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
	1. Lợi nhuận trước thuế		144.716.021	(529.758.924)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	1. Khấu hao tài sản cố định		1.146.516.807	1.237.120.645
04	2. Các khoản dự phòng			
05	3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		353.176.952	80.304.916
06	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		307.467.642	903.712.250
08	5. Chi phí lãi vay			
	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.951.877.422	1.691.378.887
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.541.103.024)	2.041.812.731
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		758.609.227	611.919.372
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		3.590.434.016	(660.181.800)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		243.632.431	592.390.775
13	- Tiền lãi vay đã trả		(303.565.279)	(886.532.509)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(121.035.303)	(64.886.384)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		686.202.861	60.000.000
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(220.828.553)	(33.017.309)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.044.223.798	3.352.818.593
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác		(3.019.189.857)	(1.468.558.090)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác		929.664.300	178.931.024
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.697.197	45.148.757
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.082.828.360)	(1.244.477.969)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		4.913.134.220	6.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.400.000.000)	(8.000.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(1.077.432.848)	(838.040.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(564.298.628)	(2.838.040.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		397.096.810	(729.699.376)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.784.426.962	2.514.126.338
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>2.181.523.772</u>	<u>1.784.426.962</u>

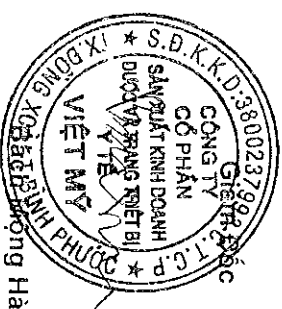
Bình Phước, ngày 05 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

Đặng Thị Giang

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Vinh



002379
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SẢN XUẤT KINH DO
ANH DƯỢC VÀ TR
ANG THIẾT BỊ Y T
Ế VIỆT MỸ
41-T. BT

720
T. V
: HỒ
T. V
K. E
T. T
T. O
A
14.1
100

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1.1 Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 ngày 26 tháng 8 năm 2002 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 16 tháng 10 năm 2012, Công ty có vốn điều lệ là 21.157.500.000 đồng (Hai mươi mốt tỷ một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại ấp 2, xã Tiên Thành, thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, sản xuất.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh dược phẩm, mua bán trang thiết bị y tế, dụng cụ và hoá chất xét nghiệm y tế.
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ xét nghiệm y tế.
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh vắcxin, sinh phẩm y tế.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc.
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.
- Đại lý, môi giới, đầu giá. Chi tiết: Đại lý Kỳ gửi hàng hoá.
- Sản xuất sản phẩm từ plastic.
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản. Chi tiết: Đầu tư tài chính.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Chuyên giao công nghệ.

1.4 Các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất vào báo cáo tài chính:

Công ty con	
Tên công ty	Công ty TNHH Sinh học Việt Mỹ
Địa chỉ	Lô I-3b-2, đường N6, Khu công nghệ cao, Quận 9, TP. HCM
Vốn điều lệ	5.016.886.834 VND
Tỷ lệ góp vốn	100%

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát bởi Công ty trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho Công ty và được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Phần sở hữu của Công ty đối với các khoản lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: kế toán trên máy vi tính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Theo thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ, sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

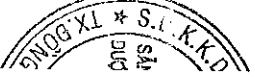
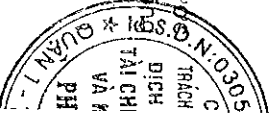
Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 10 năm
- Máy móc, thiết bị 05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải 05 - 10 năm
- Thiết bị công cụ quản lý 05 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá mua ban đầu trừ các khoản dự phòng trích hợp.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

03050079
CÔNG TY
CƠ PHẦN
DƯỢC VIỆT NAM
VIA TRANG TRÍ
Y TẾ
VIỆT NAM
KHOA TÀI CHÍNH

01172
CÔNG TY
HỮU HỮU
VỤ TỰ
VĂN KẾ
KẾ TÍNH TÀI
LÀ MÀ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Vốn được bổ sung từ kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của chính sách tài chính, quyết định của các chủ sở hữu vốn và của Hội đồng Quản trị.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích lập các quỹ theo điều lệ Công Ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối Kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 02/GCNƯĐĐT-UB ngày 03/01/2003 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước cấp, Công ty được hưởng mức thuế suất là 25%, được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế (Năm 2007).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

	Đơn vị tính: VND	
3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		
- Tiền mặt	31/12/2013	01/01/2013
	2.027.375.052	1.688.350.729
- Tiền gửi ngân hàng		
- Tiền đang chuyển	154.148.720	96.076.233
- Các khoản tương đương tiền		
Cộng	2.181.523.772	1.784.426.962
4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HÀNG KHÁC		
- Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính	31/12/2013	01/01/2013
- BHXH nộp thừa		
- BHYT nộp thừa	603.480	97.948.443
- BHYT nộp thừa	113.153	
- BHYTN nộp thừa	49.016	
- Khác		2.592.000
Cộng	765.649	100.540.443
5. HÀNG TỒN KHO		
- Nguyên liệu, vật liệu	31/12/2013	01/01/2013
- Công cụ, dụng cụ	1.180.293.005	735.593.390
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	300.546.861	522.249.973
- Thành phẩm	457.804.605	1.462.080.156
- Hàng hóa	61.019.376	38.349.555
Cộng giá gốc hàng tồn kho	1.999.563.847	2.758.273.074
6. TÀI SẢN NGÂN HÀNG KHÁC		
Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2013	01/01/2013
- Công cụ, dụng cụ	67.337.685	299.344.066
- Chi phí tư vấn phát triển thị trường	57.261.495	39.461.009
- Phí tư vấn phát hành cổ phiếu		218.388.420
- Phí giám sát môi trường	8.636.355	18.750.005
- Phí sửa chữa văn phòng	1.439.835	15.545.451
Thuế GTGT được khấu trừ	177.693.595	81.183.970
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
Tài sản ngắn hạn khác	46.462.907	175.846.875
- Tam ứng	46.462.907	175.846.875
Cộng	291.494.187	556.374.905

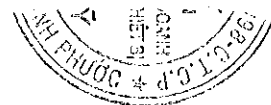
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	1.582.533.062	1.615.748.115	746.168.147	133.974.072	4.078.423.396
2. Số tăng trong năm		4.024.486.143	63.840.000		4.088.326.143
- Mua sắm mới		1.406.432.400	63.840.000		1.470.272.400
- Mua lại TS thuê tài chính		2.618.053.743			2.618.053.743
- Tăng khác					
3. Số giảm trong năm		1.980.708.961		133.974.072	2.114.683.033
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ				36.662.730	36.662.730
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán		1.804.755.146			1.804.755.146
- Giảm khác		175.953.815		97.311.342	273.265.157
4. Số dư cuối năm	1.582.533.062	3.659.525.297	810.008.147		6.052.066.506
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	949.519.778	1.444.295.480	269.529.807	118.853.055	2.782.198.120
2. Số tăng trong năm	158.253.300	1.066.929.701	55.760.900	5.555.786	1.286.499.687
- Khấu hao trong năm	158.253.300	306.173.549	55.760.900	5.555.786	525.743.535
- Mua lại TS thuê tài chính		760.756.152			760.756.152
3. Số giảm trong năm		691.170.512		124.408.841	815.579.353
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ				27.097.499	27.097.499
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán		515.216.697			515.216.697
- Giảm khác		175.953.815		97.311.342	273.265.157
4. Số dư cuối năm	1.107.773.078	1.820.054.669	325.290.707		3.253.118.454
III. Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	633.013.284	171.452.635	476.638.340	15.121.017	1.296.225.276
Tại ngày cuối năm	474.759.984	1.839.470.628	484.717.440		2.798.948.052



37/2013
TỔNG QUẢN LÝ
TỔNG KẾ TÍNH TOÁN
TỔNG QUẢN LÝ
TỔNG KẾ TÍNH TOÁN

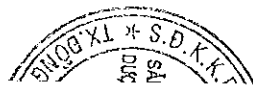
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm		2.609.442.583			2.609.442.583
2. Số tăng trong năm					
- Thuê tài chính trong năm					
- Tăng khác					
3. Số giảm trong năm		2.609.442.583			2.609.442.583
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		2.609.442.583			2.609.442.583
- Giảm khác					
4. Số dư cuối năm					
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm		595.374.372			595.374.372
2. Số tăng trong năm		165.381.780			165.381.780
- Khấu hao trong năm		165.381.780			165.381.780
- Tăng khác					
3. Số giảm trong năm		760.756.152			760.756.152
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		760.756.152			760.756.152
- Giảm khác					
4. Số dư cuối năm					
III. Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm		2.014.068.211			2.014.068.211
Tại ngày cuối năm					



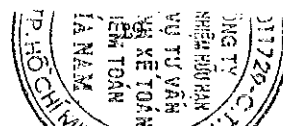
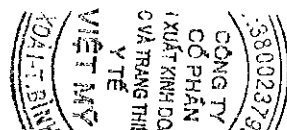
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4.423.000.000	9.107.830.000			13.530.830.000
Số tăng trong năm					
- Mua trong năm					
- Tạo ra từ nội bộ DN					
- Tăng do hợp nhất KD					
- Tăng khác					
Số giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	4.423.000.000	9.107.830.000			13.530.830.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	91.000.000	4.091.523.520			4.182.523.520
Số tăng trong năm		455.391.492			455.391.492
- Khấu hao trong năm		455.391.492			455.391.492
- Tăng khác					
Số giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	91.000.000	4.546.915.012			4.637.915.012
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	4.332.000.000	5.016.306.480			9.348.306.480
Tại ngày cuối năm	4.332.000.000	4.560.914.988			8.892.914.988



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

13. VAY VÀ NỢ NGÂN HÀNG

	31/12/2013	01/01/2013
Vay ngắn hạn	500.000.000	1.500.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN	500.000.000	1.500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Cộng	500.000.000	1.500.000.000

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

- Thuế giá trị gia tăng	31/12/2013	01/01/2013
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Cộng	36.718.448	121.035.303
		157.753.751

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

- Trích trước chi phí lãi vay	31/12/2013	01/01/2013
- Trích trước phí kiểm toán	3.902.363	17.172.741
- Trích trước lương tháng 13	65.000.000	
	27.890.000	
Cộng	96.792.363	17.172.741

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGÂN HÀNG KHÁC

- Nhận kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn	31/12/2013	01/01/2013
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.250.000	41.250.000
+ Phải trả tiền giữ hộ của bà Hoàng Oanh	3.720.000.000	
+ Phải trả tiền giữ hộ của ông Nguyễn Tuấn Huyền	1.320.000.000	
+ Phải trả tiền giữ hộ của ông Bùi Khắc Hào	1.000.000.000	
	1.400.000.000	
Cộng	3.761.250.000	41.250.000

17. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay dài hạn	31/12/2013	01/01/2013
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN	1.513.134.220	
Nợ dài hạn	1.513.134.220	
- Nợ thuế tài chính - NH TMCP Á Châu		1.077.432.848
		1.077.432.848
Cộng	1.513.134.220	1.077.432.848

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

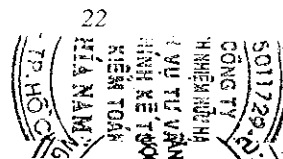
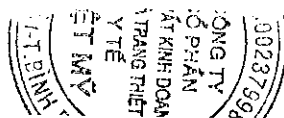
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
Số dư đầu năm trước	21.157.500.000				(1.330.714.440)	1.562.792.834	
Tăng vốn trong năm trước							
Lãi trong năm trước							
Tăng khác							
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận							
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát							
Lỗ trong năm trước							
Chia cổ tức					(529.758.924)		
Giảm khác							
Số dư đầu năm	21.157.500.000				(1.860.473.364)	1.562.792.834	
Tăng vốn trong năm							
Lợi nhuận trong năm							
Tăng khác							
Lỗ trong năm							
Chia cổ tức							
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận							
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát							
Giảm khác							
Số dư cuối năm	21.157.500.000				(1.715.757.343)	1.562.792.834	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

18. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2013	01/01/2013
Vốn góp của các cổ đông	21.157.500.000	21.157.500.000
Cộng	21.157.500.000	21.157.500.000

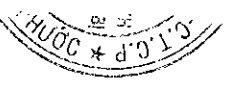
18. c) Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển	31/12/2013	01/01/2013
- Quỹ dự phòng tài chính	1.562.792.834	1.562.792.834
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
Cộng	1.562.792.834	1.562.792.834

18. d) Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.115.750	2.115.750
- Cổ phiếu phổ thông	2.115.750	2.115.750
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.115.750	2.115.750
- Cổ phiếu phổ thông	2.115.750	2.115.750
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

19. BÁO CÁO BỘ PHẬN

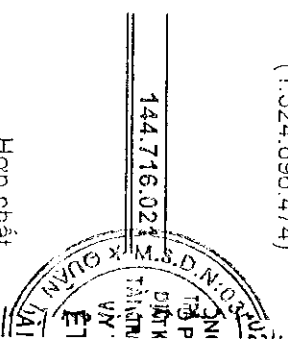
Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2013 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Dược phẩm	Bao bì	Hợp nhất
Tổng doanh thu của bộ phận	7.093.159.709	647.744.000	7.740.903.709
Doanh thu giữa các bộ phận			
Cộng	7.093.159.709	647.744.000	7.740.903.709
Kết quả kinh doanh	578.961.157	(140.353.948)	438.607.209
Doanh thu tài chính			6.697.197
Chi phí tài chính			(322.891.911)
Thu nhập khác			1.347.000.000
Chi phí khác			(1.324.696.474)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			
Lợi ích cổ đông thiểu số			

Tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ

Tài sản bộ phận và nợ phải trả bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Dược phẩm	Bao bì	Hợp nhất
Tài sản của bộ phận	19.564.795.288	1.476.700.000	21.041.495.288
Tài sản không phân bổ			6.001.590.962
Tổng tài sản			27.043.086.250
Nợ phải trả của bộ phận	6.038.550.759		6.038.550.759
Nợ phải trả không phân bổ			
Tổng nợ phải trả			6.038.550.759



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2013	Năm 2012
- Doanh thu bán hàng	7.740.903.709	9.583.300.417
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		

Cộng

7.740.903.709 9.583.300.417

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Chiết khấu thương mại
- Giảm giá hàng bán
- Hàng bán bị trả lại

Cộng

22. DOANH THU THUẦN VÀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa
- Doanh thu thuần dịch vụ

Cộng

7.740.903.709 9.583.300.417

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn của hàng hóa đã bán
- Giá vốn của thành phẩm đã bán
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cộng

5.449.016.139 6.969.518.062

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Cổ tức lợi nhuận được chia
- Lãi chênh lệch tỷ giá đa thực hiện
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Lãi bán hàng trả chậm
- Doanh thu hoạt động tài chính khác

Cộng

6.697.197 45.148.757

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm 2013	Năm 2012
- Chi phí lãi vay	307.467.642	903.712.250
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.424.269	5.663.477
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		
- Chi phí tài chính khác		
Cộng	322.891.911	909.375.727

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay

Cộng

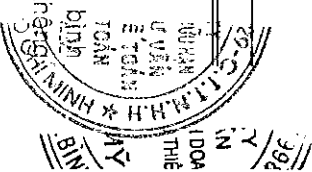
27. LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

- Lợi nhuận (lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông
- Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành
- Lãi (lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu

	Năm 2013	Năm 2012
- Lợi nhuận (lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông	144.716.021	(529.758.924)
- Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.115.750	2.115.739
- Lãi (lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu	68	(250)

	Năm 2013	Năm 2012
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.792.935.191	3.353.359.543
- Chi phí nhân công	1.920.050.099	1.837.052.757
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.146.516.807	1.237.120.645
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.084.068.847	926.441.783
- Chi phí khác bằng tiền	328.891.911	1.507.077.945
Cộng	6.272.462.855	8.861.052.647



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Đơn vị tính: VND

29.1 Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT Kiểm Giám đốc	Tạm ứng	21.000.000
- Bà Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	71.980.000
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT Kiểm Giám đốc	Hoàn tạm ứng	21.000.000
- Bà Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT	Hoàn tạm ứng	27.000.000
- Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	Hoàn tạm ứng	35.044.000
- Bà Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT	Giữ hộ tiền góp vốn	1.320.000.000
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT Kiểm Giám đốc	Lương và thưởng	110.497.350
- Bà Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	77.263.559
- Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	40.995.495

Cho đến ngày 31/12/2013, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT Kiểm Giám đốc	Đặt cọc tiền thuê xe	400.000.000
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT Kiểm Giám đốc	Tạm ứng	32.873.049
- Bà Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	2.464.000
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả
- Công ty TNHH Sinh Học Việt Mỹ	Công ty con	Mượn tiền	637.614.600
- Bà Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT	Giữ hộ tiền góp vốn	1.320.000.000

29.2. Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp một số tài sản để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản như sau:

Tài sản thế chấp	Đơn vị tính: VND
31/12/2013	01/01/2013
Hàng tồn kho	
Tài sản cố định hữu hình	
Dây chuyền máy móc thiết bị dở dang	
4.339.000.000	4.339.000.000
4.339.000.000	4.339.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29.5. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nắm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoại thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

29.6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

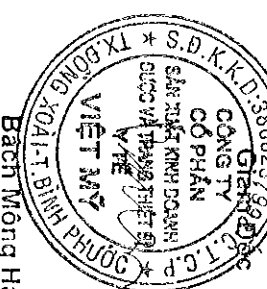
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Phước, ngày 05 tháng 01 năm 2014

Đặng Thị Giang

Nguyễn Văn Vinh



Bạch Mộng Hà

